

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÍNH TRỊ VỚI TÔN GIÁO
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

NGÔ HỮU THẢO^(*)

Biểu hiện của mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và tôn giáo là sự phản ánh khách quan về thực trạng và bản chất quyền lực của mỗi hiện tượng. Trên thế giới và ở Việt Nam, từ lịch sử đến đương đại, mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị luôn được sự quan tâm của các lực lượng chính trị, nhất là lực lượng chính trị cầm quyền. Ở Việt Nam hiện nay, việc nhận thức về mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo được đặt ra nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với tôn giáo, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững xã hội. Muốn vậy, vấn đề này đòi hỏi phải được nhận thức thấu đáo từ phương diện lý luận cơ bản cho đến thực tiễn trên thế giới và ở nước ta.

I. Từ phương diện lý luận, các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác- Lênin trong giải quyết mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo đã kế thừa quan điểm của giai cấp tư sản, là: “Giải phóng tôn giáo ra khỏi chính trị” để xây dựng một nhà nước thế tục. Nhưng các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác- Lênin đã rất khách quan và đúng đắn khi đưa ra quan điểm: “Giải phóng nhà nước khỏi tôn giáo không phải là giải phóng con người hiện thực khỏi tôn giáo”⁽¹⁾. Như vậy, việc giải phóng nhà nước chính trị ra khỏi tôn giáo hoàn toàn không phải là việc thủ tiêu hay xóa bỏ

tôn giáo. Tư tưởng quan trọng này đã được Ăngghen phân tích rất sâu sắc trong tác phẩm “Chống Duyrinh”, khi phê phán Duyrinh, một triết gia mang lập trường tư sản, nhưng giả danh là bạn của giai cấp công nhân, đã có tư tưởng thủ tiêu tôn giáo khi chủ nghĩa xã hội bắt đầu xuất hiện trên hiện thực và chỉ trích nhà nước tư sản Phổ, vào giữa tháng 5 năm 1873, dưới thời Bixmac, đã thông qua “Những đạo luật tháng Năm” để chống lại giới tu hành Công giáo, tạo cho họ và tín đồ “niêm vinh quang tử vì đạo”.

Về nội dung mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo của Chủ nghĩa Mác-Lênin, có thể khái quát trên một số luận điểm sau:

1) Mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo là mối quan hệ của hai hiện tượng thuộc về thượng tầng kiến trúc, được quy định trước hết và căn bản là do hạ tầng cơ sở, sau nữa là do quy luật riêng của mỗi hiện tượng.

2) Từ khi chính trị hình thành cho đến nay, đã trở thành một nguồn gốc xã hội trực tiếp của tôn giáo.

3) Mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo

*. PGS.TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. C.Mác, Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 1, tr. 546.

vừa thể hiện sự tương đồng, hữu cơ, lại vừa có sự đối lập, có khi quyết liệt, điều đó tùy thuộc đáng kể vào tính chất chính trị và vị thế của mỗi giai cấp đối với tôn giáo.

4) Về thái độ, người cộng sản “không thể dả kích vào tôn giáo dưới mọi hình thức thù địch cũng như dưới hình thức khinh bạo chung cũng như riêng, nghĩa là nói chung không được dả kích vào tôn giáo”⁽²⁾.

5) Trong mối quan hệ này, thường có tình trạng giai cấp thống trị phản động sử dụng tôn giáo như là phương tiện để cai trị và xâm lược. Vì thế, đây phải là một quan tâm thường xuyên của những người cộng sản.

Đối với Hồ Chí Minh, chính trị cao nhất là chính trị phục vụ nhân dân. Vậy nên trong sự kế thừa quan điểm Mác - Lênin về mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo, Người tập trung vào một số luận điểm căn bản:

1) Người khẳng định, đế quốc thực dân đã từng lợi dụng tôn giáo như một công cụ xâm lược đất nước ta và nô dịch dân tộc Việt Nam.

2) Sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta chỉ thành công khi lực lượng lãnh đạo đoàn kết, tập hợp được mọi tầng lớp, lực lượng xã hội, trong đó có đông bào các tôn giáo.

3) Để đoàn kết lương - giáo, chủ thể chính trị cần phải tìm kiếm, xác định cụ thể và rõ ràng về lợi ích chung của cộng đồng lương - giáo. Đây là cơ sở cho sự đoàn kết lương - giáo rộng rãi nhất, cũng như để vượt qua sự khác biệt giữa lương và giáo.

4) Đối với những kẻ lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị phản động, phải có thái độ cương quyết xử lý, nhưng vẫn cần thiết phải có sự khoan dung.

Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị và tôn giáo, nếu được vận dụng đảm bảo tính khách quan và lịch sử cụ thể, sẽ có ý nghĩa nền tảng cho việc chủ động xử lý thành công mối quan hệ này ở nước ta hiện nay.

II. Quan hệ giữa tôn giáo với chính trị trên thế giới, dưới thời kì cổ đại, phản ánh về quá trình chuyển xã hội loài người từ thời kì cộng sản nguyên thủy sang thời kì có chế độ tư hữu, có giai cấp và có nhà nước. Thời kì này, hầu hết các tôn giáo lớn của thế giới đã ra đời, trong đó có tôn giáo (Kitô giáo và Phật giáo) đã thể hiện như là sự phản kháng của các giai cấp, đẳng cấp bị áp bức trước chế độ chính trị thống trị bạo tàn. Vì thế giai cấp thống trị đương thời coi các tôn giáo đó là tà đạo, nên đã xua đuổi, dồn ép, nhưng về sau, do không có kết quả, nên đã phải thừa nhận, hơn thế, còn sử dụng triệt để các tôn giáo đó (trường hợp Kitô giáo). Lúc đó ở Châu Âu, việc điều hành, quản lí xã hội và hệ tư tưởng do cả nhà nước chính trị và giáo hội tôn giáo thực hiện. Còn ở Châu Á, như Ấn Độ và Trung Quốc, tôn giáo vừa là bộ đỡ, là môi trường phát triển chính trị (đạo Balamôn), lại vừa phản kháng chế độ chính trị (Phật giáo).

Thời kì phong kiến, tôn giáo có vai trò đặc biệt to lớn trong đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng, nó là chỗ dựa của chế độ chính trị, khẳng định chế độ sở hữu phong kiến. Thời kì này, hiện tượng hợp nhất giữa chính trị và tôn giáo, sự nhất thể hoá các chức sắc tôn giáo và nhà chính trị diễn ra ở một số nước. Lúc đó, Giáo hội Công giáo La Mã có địa vị tối cao, không chỉ là tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, mà còn

2. C.Mác, Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 1, tr.23.

là đại biểu của hệ tư tưởng. Chính vì thế các phong trào xã hội khi đó đều “phải mang hình thức thần học; muốn tạo ra một phong trào mạnh như vũ bão, cần phải dựa cho quần chúng mà tình cảm được nuôi dưỡng chỉ bằng tôn giáo, những lợi ích thiết thân của họ dưới bộ áo tôn giáo”⁽³⁾. Thời kì đó ở Châu Âu, tình trạng đối đầu giữa tôn giáo với chính trị và sự tranh chấp giữa chúng với nhau diễn ra không ngớt. Đặc biệt, đã diễn ra cuộc thánh chiến kéo dài gần 2 thế kỉ, không dừng lại ở mục tiêu tôn giáo, mà mang đậm màu sắc chính trị.

Nhìn chung, dưới thời phong kiến ở Châu Âu, tôn giáo lấn lướt, chi phối chính trị, nên tự nó đánh mất nhiều giá trị, thậm chí còn đi ngược mục tiêu tôn giáo của mình và đó là nguyên nhân chính làm nổ ra phong trào cải cách tôn giáo rầm rộ vào thế kỉ XV, XVI.

Còn ở Phương Đông dưới thời kì này, nhìn chung chính trị có tính độc lập tương đối, không bị tôn giáo thao túng như ở Phương Tây. Hơn thế, chính trị còn dựa vào tôn giáo để kéo dài sự trường tồn, củng cố sức mạnh chính trị cầm quyền. Ví như, hiện tượng thần bí hóa các vua chúa hay đồng nhất vua với một vị thần, nhằm đảm bảo lợi ích chính trị căn bản của giai cấp địa chủ phong kiến.

Chủ nghĩa tư bản, ở Châu Âu thời kì đầu giai cấp tư sản do cần có một nhà nước thế quyền mạnh, nên một mặt, phản đối tình trạng cát cứ phong kiến, mặt khác, chĩa mũi nhọn nhằm vào giáo hội. Khi đó, học thuyết về nhà nước, chính trị chủ quyền là một thách thức lớn đối với thần học và giáo hội. Các đại biểu của phong trào cải cách tôn giáo chủ trương khu biệt giữa cái thuộc thế tục và cái thuộc thần thánh; giữa chính trị học và thần học; đi tới khẳng định địa vị tuyệt đối của quyền lực chính trị trước

quyền lực giáo hội. Theo họ, giáo hội và nhà nước là hai tổ chức khác nhau, nhưng giáo hội cần phải phục vụ cho nhà nước chính trị, từ đó hạ bộ Giáo hội La Mã để không còn là lực lượng chính trị chủ yếu như trước.

Thời kì này ở Châu Á, chẳng hạn các tôn giáo bản địa, như Phật giáo, bị suy vi nghiêm trọng, khiến cho các nhà hoạt động tôn giáo và cả một số nhà chính trị phải suy nghĩ đến việc chấn hưng nó. Mặt khác, chính trị còn phải đối mặt với các tôn giáo ngoại sinh tràn vào, mà kẻ chống, người theo, tạo ra sự phân hoá trong chính trị. Một số nhà cách mạng tư sản, như Tôn Trung Sơn của Trung Quốc, theo đạo Tin Lành, đủ thấy vai trò đáng kể của tôn giáo này với chính trị lúc đó.

Như vậy, ngay từ ban đầu xã hội tư sản đã có yêu cầu tách nhà nước ra khỏi giáo hội, xây dựng thể chế pháp lí phi tôn giáo, không để giáo hội can thiệp hoặc thực hiện bất kì chức năng nào của nhà nước. Tuy nhiên, nhà nước tư sản vẫn thừa nhận và đảm bảo vai trò của giáo hội, xem quan hệ của công dân với tôn giáo là công việc riêng của họ.

Ngày nay, ở các nước tư bản, mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị đang diễn ra với những biểu hiện mới, đó là:

1) Có những giáo phái tôn giáo trước kia đã từng lánh tránh, xa lánh chính trị, thì nay lại bị thu hút vào xu thế chính trị hóa tôn giáo.

2) Xuất hiện nhiều tổ chức tôn giáo mang tính toàn cầu, tham gia vào hoạt động chính trị với ý đồ thay đổi thế giới theo hướng mà họ cho là tốt hơn.

3) Một số nước vẫn duy trì chế độ giáo hội nhà nước, hay quốc giáo, tại đó có sự

3. C.Mác, Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 21, tr. 446.

hợp nhất giữa tôn giáo với chính trị.

4) Ở nhiều quốc gia đa tôn giáo, các giáo hội tôn giáo đều bình đẳng trong quan hệ với chính trị, pháp luật.

5) Quan hệ giữa tôn giáo với chính trị còn được cả loài người quan tâm bởi “các tổ chức tôn giáo - chính trị” của thế giới Islam giáo. Trong đó, có những tổ chức tham gia vào chính trị theo hướng tuân thủ pháp luật, nhưng một số khác lại tỏ ra cực đoan, thường sử dụng bạo lực. Tất nhiên, số cực đoan chỉ là một bộ phận nhỏ trong toàn bộ thế giới Islam giáo, không nên đồng nhất nó với toàn bộ đạo Islam, một tôn giáo vốn có nhiều đặc trưng văn hóa, đạo đức điển hình.

6) Tôn giáo vẫn được một số thế lực chính trị sử dụng như là công cụ để tấn công, lật đổ nền chính trị của các phe phái chính trị đối lập, thậm chí, của các nước khác mà họ không thiện cảm.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, tiêu biểu là Liên Xô, chủ trương tự do tín ngưỡng và hướng tới việc xoá bỏ dần quan hệ chi phối của tôn giáo đối với chính trị. Trong đó quy định, nhà nước không nên làm các công việc của tôn giáo và tôn giáo không nên gắn với chính trị - nhà nước; nhà nước không cấm tôn giáo, công dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và cả tự do tuyên truyền chủ nghĩa vô thần; hoạt động tôn giáo phải tuân thủ pháp luật⁽⁴⁾.

Còn hiện nay, theo tinh thần đổi mới, chính trị xã hội chủ nghĩa đã khẳng định về sự tồn tại lâu dài, về những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của tôn giáo và phải “làm cho tôn giáo thích ứng với chủ nghĩa xã hội”⁽⁵⁾; hoặc “Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽⁶⁾. Điều đó thể

hiện tính khách quan của chính trị xã hội chủ nghĩa trong hoạt động nhận thức và thực tiễn trên lĩnh vực tôn giáo.

Như vậy, từ lịch sử đến đương đại, dưới các nền chính trị khác nhau, mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo diễn ra theo các chiều: Tôn giáo tác động tới chính trị và ngược lại, từ chính trị đến tôn giáo. Sau đây là khái quát về biểu hiện quan hệ trên các cấp độ, trước hết từ chiều tôn giáo tác động đến chính trị:

- Tôn giáo đối đầu, hoặc chống đối công khai với chính trị; thần quyền tôn giáo bất thể quyền chính trị phải phục tùng.

- Tôn giáo tham gia vào đời sống chính trị, kể cả vào bộ máy nhà nước và đảng phái chính trị.

- Tôn giáo không can thiệp vào công việc chính trị, chỉ chuyên tâm đến những vấn đề thuần túy của tôn giáo, để thoả mãn nhu cầu tôn giáo của tín đồ.

Còn từ chiều chính trị tác động tới tôn giáo, có những biểu hiện:

- Nhà nước luôn đấu tranh để thoát khỏi ảnh hưởng và sự kiểm soát của tôn giáo, trên các yếu tố cấu thành tôn giáo, để khẳng định tính thế tục.

- Nhà nước giúp đỡ và hỗ trợ tôn giáo về nhiều phương diện.

- Chính trị sử dụng tôn giáo như là công cụ để bảo đảm lợi ích chính trị trực tiếp và căn bản của mình.

- Nhà nước không can thiệp vào nội bộ tôn giáo, không kiểm soát quan hệ của công dân và không đánh giá công dân theo dấu hiệu tôn giáo.

4. Ngày 23-1-1918, Lenin kí Sắc lệnh: Về việc tách giáo hội ra khỏi nhà nước và trường học ra khỏi nhà thờ.

5. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Trung Quốc.

6. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Việt Nam.

- Có sự cân bằng trong quan hệ giữa tôn giáo với chính trị, biểu hiện ở chính trị khẳng định quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo như một nguyên tắc pháp lí, còn tôn giáo xem đây là một công cụ đại diện lợi ích của mình, với tư cách là một tổ chức trong lĩnh vực chính trị - pháp luật của đời sống xã hội.

Như vậy, trong mối quan hệ này, cả tôn giáo và chính trị đều có mục đích duy trì, mở rộng ảnh hưởng quyền lực và phát triển lợi ích của mình, từ đó trực tiếp quy định tính chất, nội dung và phương thức mối quan hệ giữa chúng.

Từ mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo có thể rút ra một số nhận xét:

Một là, cả tôn giáo và chính trị, xét từ góc độ quyền lực, cả hai đều có tham vọng thâm tóm nhau, nhưng trên thực tế, nhiều khi chúng buộc phải chia sẻ cho nhau. Điều này có ý nghĩa quan trọng không chỉ lí giải tại sao trong mối quan hệ giữa chính trị với tôn giáo từ trước đến nay có nhiều kiểu, loại khác nhau, thậm chí chính trị và tôn giáo, luôn phải tự ý thức để có thể lựa chọn được phương thức ứng xử thích hợp.

Hai là, quan hệ giữa chính trị với tôn giáo, về lịch sử, có thể xuất hiện tình trạng “thuần túy tôn giáo”, nhưng về

logic là không thể. Vì thế tính chất phức tạp của cả chính trị và tôn giáo là tất nhiên và xuyên suốt, vấn đề là, giải quyết để làm sao tiến tới ngày càng gần hơn sự hài hoà về lợi ích của cả hai. Hay nói cách khác, chính trị và tôn giáo có thể chấp nhận nhau.

Ba là, quan hệ giữa nhà nước với tôn giáo, khi vị trí của nhà nước cao hơn giáo hội tôn giáo, thì “tôn giáo phải ủng hộ chính quyền thế tục, nhưng là để cho chính quyền thế tục không phục tùng tôn giáo”⁽⁷⁾. Cấp độ này của mối quan hệ đang được nhiều nhà nước hiện đại mong muốn và hướng tới.

Bốn là, có những chế độ chính trị mặc dù áp dụng chính sách bình đẳng giữa các tôn giáo, nhưng cũng khó tránh khỏi việc phải quan tâm hơn đến một tôn giáo nào đó. Trong trường hợp này, chính trị khôn ngoan là tuyệt nhiên không được hạ thấp hoặc phủ định các tôn giáo còn lại. Chỉ có như thế chính trị cầm quyền mới tạo ra được sự đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo, theo đó mà chính trị được củng cố./.

7. C.Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 1, tr. 25.